

Bản án số: 63/2023/ HNGĐ- ST

Ngày 30/11/2023

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Vân Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Hoa

Ông Nguyễn Văn Bạ

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Mai Hương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 390/2023/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Vũ Quang H, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện A, tỉnh H.

- Bị đơn: Trần Thị Bích N, sinh năm 1983;

Nơi ĐKKHKT: Khu dân cư T, phường S, thành phố C, tỉnh H.

Nơi ở hiện nay: Số nhà 27, đường T, khu dân cư T, phường S, thành phố C, tỉnh H.

Anh H, chị N vắng mặt (đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản ghi lời khai nguyên đơn và bị đơn trình bày:

Anh H và chị N kết hôn ngày 26/10/2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện A, tỉnh H. Anh chị có thời gian yêu thương, tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn. Hôn lễ của anh chị được hai bên gia đình tổ chức theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, anh chị về chung sống tại gia đình nhà anh H cùng với bố mẹ đẻ anh H tại xã H, huyện A, tỉnh H. Được một thời gian ngắn anh chị xuống Q làm ăn sinh sống. Theo anh H, trong thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận. Đến năm 2017 thì không hạnh phúc, liên tục phát sinh mâu thuẫn. Chị N làm ăn thua lỗ, quan điểm của vợ chồng trái ngược nhau, không thống nhất được cách giải quyết dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không tìm được tiếng nói chung. Do chị N làm ăn thua lỗ nhiều nên khi chị Ngọc bảo tôi đi vay ngân hàng lấy vốn cho chị làm ăn buôn bán quần áo tôi không đồng ý vì trước đây chị Ngọc cũng đã làm không được mà lại vẫn còn nợ nhiều. Chị N nói nếu đã như vậy thì ai đi đường nấy. Đến đầu năm 2018 thì chị Ngọc bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở S sinh sống. Từ khi chị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở anh H cũng không tìm đón anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, không còn muốn quan tâm đến nhau nữa, mâu thuẫn vợ chồng hết sức trầm trọng không thể hàn gắn được, không ai quan tâm đến ai. Nay anh đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chị N. Theo chị N: Ban đầu cuộc sống vợ chồng cũng bình thường, hạnh phúc. Đến năm 2017 thì mâu thuẫn trầm trọng do làm ăn kinh tế gia đình, vợ chồng không có tiếng nói chung. Đến đầu năm 2018 chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở S, C ở và không quay lại chung sống cùng anh H nữa. Tình cảm vợ chồng cứ thế lạnh nhạt dần. Vợ chồng không còn quan tâm liên lạc gì với nhau. Chị xác định tình cảm không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nay anh H xin ly hôn chị, quan điểm của chị là đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh H.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Vũ Tuấn H1, sinh ngày 04/10/2010. Hiện tại cháu H1 đang ở cùng anh H. Nếu anh chị ly hôn anh H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Tuấn H. Anh H tự nguyện không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh. Anh H hiện làm lao động tự do, thu nhập bình quân 10.000.000/tháng có thời gian, điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hơn nữa anh H ở cùng với bố mẹ đẻ nên ông bà có điều kiện về chỗ ăn, ở sinh hoạt cho hai bố con anh H, cũng như thuận lợi cho việc học tập của cháu H1. Chị N cũng có quan điểm đồng ý giao con chung Vũ Tuấn H, sinh ngày 04/10/2010 cho anh H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ: Anh H và chị N đều xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Bà Y - mẹ đẻ chị N trình bày và xác nhận: Chị N và anh H kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện A, tỉnh H. Sau ngày cưới anh chị ở cùng với gia đình nhà anh H. Anh chị có cãi nhau và đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Chị N xác định không còn tình cảm với anh H nên anh H xin ly hôn chị N đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh H, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh chị.

Cháu H1 trình bày: Nếu bộ mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng được ở cùng với bố và bà nội. Vì cháu ở với bố và bà nội từ bé đã quen rồi.

Qua xác minh với trưởng khu dân cư T, phường S xác định: Quá trình mâu thuẫn giữa anh H và chị N địa phương không nắm được. Chỉ xác định được khoảng đầu năm 2018, chị N đã về nhà bà Y ở khu dân cư T, phường S, thành phố C, tỉnh H sinh sống.

Tại phiên tòa:

Anh H và chị N đều vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Quang H. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Vũ Quang H được ly hôn với chị Trần Thị Bích N. Về con chung: Giao con chung là cháu Vũ Tuấn H1, sinh ngày 04/10/2010 cho anh H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 11 năm 2023 đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh H. Về tài sản chung: Không đề nghị giải quyết. Về án phí: anh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Anh Vũ Quang H khởi kiện xin ly hôn đối với chị Trần Thị Bích N. Nơi ĐKKHKT: Khu dân cư T, phường S, thành phố C, tỉnh H; Nơi ở hiện nay: Số nhà 27, đường T, khu dân cư Trần H, phường S, thành phố C, tỉnh Hải D nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Trần Thị Bích N là bị đơn không có yêu cầu phản tố, đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, anh H và chị N đều vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Huy và chị Ngọc.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Quang H và chị Trần Thị Bích N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn theo luật định. Đây là hôn

nhân hợp pháp. Ban đầu cuộc sống anh chị bình thường. Đến năm 2017 anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về việc sinh hoạt hằng ngày, làm ăn kinh tế, cư xử với hai bên. Tình cảm vợ chồng không được cải thiện mà đến đầu năm 2018, chị N về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Anh chị không còn quan tâm gì đến nhau cả về tình cảm lẫn kinh tế từ đầu năm 2018 đến nay. Xét mâu thuẫn vợ chồng anh H và chị N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận cho anh H được ly hôn chị N là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Xét điều kiện nuôi con của anh chị thì thấy:

Anh chị có một con chung là Vũ Tuấn H1, sinh ngày 04/10/2010. Hiện tại cháu H1 đang do anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Xét điều kiện, hoàn cảnh của anh H và chị N thấy rằng: Anh H hiện làm lao động tự do, thu nhập bình quân 10.000.000/tháng có thời gian, điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Anh H được sự hỗ trợ của gia đình trong việc nuôi dưỡng cháu. Nguyên vọng nuôi dưỡng con chung của anh là chính đáng, phù hợp với nguyện vọng của người làm cha làm mẹ. Do cháu H ở với anh H từ nhỏ và hiện đang ở cùng anh H vẫn được anh H chăm sóc tốt nên giao cháu H1 cho anh H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 11 năm 2023 đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Anh H tự nguyện không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Do vậy chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh H là phù hợp điều kiện hoàn cảnh của anh chị và phù hợp quy định của pháp luật. Do vậy, cần căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình tiếp tục giao con chung Vũ Tuấn H1 cho anh H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi mới đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung.

2.3]. Về cấp dưỡng: Xét anh H tự nguyện không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh nên cần được chấp nhận.

2.4]. Về quan hệ tài sản, nợ: Anh H và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.5]. Về án phí: Anh H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83, Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Quang Huy.

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vũ Quang H ly hôn chị Trần Thị Bích N.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Vũ Tuấn H1, sinh ngày 04/10/2010 cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 11 năm 2023 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Anh H tự nguyện không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh. Chị N có quyền và nghĩa vụ gặp gỡ, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không đặt giải quyết.

Về án phí: Anh Vũ Quang H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, đối trừ với số tiền 300.000 đồng anh H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2022/0000672 ngày 13/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh H.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố C;
- UBND xã H, huyện A, tỉnh H (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Chi cục THADS thành phố Ch;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Vân Anh